

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 692 /2014/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 15 tháng 10 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**VỀ VIỆC QUY ĐỊNH TỶ LỆ QUY ĐỔI TỪ GẠCH, NGÓI THÀNH PHẨM RA KHOÁNG SẢN SÉT
SÉT NGUYÊN KHAI VÀ KHỐI LƯỢNG SÉT NGUYÊN KHAI SỬ DỤNG ĐỂ SẢN XUẤT GẠCH, NGÓI
của các cơ sở sản xuất gạch, ngói nung trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Thuế tài nguyên ngày 25/11/2009;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Pháp lệnh số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 24/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên;

Căn cứ Nghị định số 74/2011/NĐ-CP ngày 25/8/2011 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ Quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND ngày 11/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu và tỷ lệ điều tiết một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 693/TTr-TNMT ngày 06/10/2014, Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo số 221/BC-STP ngày 10/10/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định tỷ lệ quy đổi từ gạch, ngói thành phẩm ra khoáng sản sét nguyên khai và khối lượng sét nguyên khai sử dụng để sản xuất gạch, ngói của các cơ sở sản xuất gạch, ngói nung

Quy định tỷ lệ quy đổi từ gạch, ngói thành phẩm ra khoáng sản sét nguyên khai và khối lượng sét nguyên khai sử dụng để sản xuất gạch, ngói của các cơ sở sản xuất gạch, ngói nung làm căn cứ tính thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với loại khoáng sản sét gạch, ngói trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, cụ thể như sau:

1. Tỷ lệ quy đổi từ gạch, ngói thành phẩm ra 01 m^3 khoáng sản sét nguyên khai như sau:

- a) 550 viên gạch đặc R60-210 (kích thước $21 \times 10 \times 6 \text{ cm}$).
- b) 800 viên gạch 2 lỗ tròn GR60-2T15 (kích thước $21 \times 10 \times 6 \text{ cm}$).
- c) 330 viên gạch lát nền cotto (kích thước $40 \times 40 \times 1,4 \text{ cm}$).
- d) 480 viên ngói loại 22 viên/ m^2 (kích thước $34 \times 20,5 \times 1,3 \text{ cm}$).

2. Khối lượng sét nguyên khai sử dụng để sản xuất gạch, ngói của các cơ sở sản xuất gạch, ngói nung trên địa bàn tỉnh được quy định như sau:

a) Đối với cơ sở sản xuất gạch, ngói nung theo công nghệ tuynel: công suất thiết kế dưới 20 triệu viên quy chuẩn/01 dây chuyền/năm, khối lượng sét nguyên khai sử dụng là $18.000 \text{ m}^3/01$ dây chuyền/năm; công suất thiết kế từ 20 triệu viên quy chuẩn/01 dây chuyền/năm trở lên, khối lượng sét nguyên khai sử dụng là $30.000 \text{ m}^3/01$ dây chuyền/năm.

b) Đối với cơ sở sản xuất gạch, ngói nung theo công nghệ lò vòng: công suất thiết kế dưới 15 triệu viên quy chuẩn/01 dây chuyền/năm, khối lượng sét nguyên khai sử dụng là $20.000 \text{ m}^3/01$ dây chuyền/năm; công suất thiết kế từ 15 triệu đến dưới 20 triệu viên quy chuẩn/01 dây chuyền/năm, khối lượng sét nguyên khai sử dụng là $30.000 \text{ m}^3/01$ dây chuyền/năm; công suất thiết kế từ 20 triệu viên quy chuẩn/01 dây chuyền/năm trở lên, khối lượng sét nguyên khai sử dụng là $35.000 \text{ m}^3/01$ dây chuyền/năm.

c) Đối với cơ sở sản xuất gạch, ngói nung theo công nghệ kiểu đứng liên tục (VSBK): công suất thiết kế dưới 05 triệu viên quy chuẩn/01 dây chuyền/năm, khối lượng sét nguyên khai sử dụng là $5.000 \text{ m}^3/01$ dây chuyền/năm; công suất thiết kế từ 5 triệu đến dưới 10 triệu viên quy chuẩn/01 dây chuyền/năm, khối lượng sét nguyên khai sử dụng là $10.000 \text{ m}^3/01$ dây chuyền/năm; công suất thiết kế từ 10 triệu viên quy chuẩn/01 dây chuyền/năm trở lên, khối lượng sét nguyên khai sử dụng là $20.000 \text{ m}^3/01$ dây chuyền/năm.

d) Đối với cơ sở sản xuất gạch thủ công sử dụng công nghệ xử lý khí thải công suất thiết kế dưới 05 triệu viên quy chuẩn/01 dây chuyền/năm, khối lượng sét nguyên khai sử dụng là $5.000 \text{ m}^3/01$ dây chuyền/năm.

đ) Đối với cơ sở sản xuất gạch lát nền cotto có công suất thiết kế $3,0$ triệu $\text{m}^2/\text{năm}$, khối lượng sét nguyên khai sử dụng là $45.000 \text{ m}^3/\text{năm}$.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ sở sản xuất gạch, ngói trên địa bàn tỉnh

1. Phải chứng minh được nguồn gốc hợp pháp của nguyên liệu sét để sản xuất gạch, ngói; trường hợp không chứng minh được nguồn gốc hợp pháp của nguyên liệu sét thì phải nộp thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với khối lượng khoáng sản (sét làm gạch, ngói) thay cho tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, thời gian thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2014; đồng thời phải lập hồ sơ xin cấp phép khai thác sét làm nguyên liệu sản xuất gạch, ngói theo quy định của Luật Khoáng sản.

2. Khối lượng sét sản xuất gạch, ngói đăng ký, kê khai nộp thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản hàng năm được lập trên cơ sở quy định tại khoản 2, Điều 1 Quyết định này; thời gian đăng ký, kê khai, nộp thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của năm được thực hiện trước ngày 01 tháng 02 hàng năm; riêng năm 2014 các cơ sở sản xuất gạch, ngói nung thực hiện kê khai, nộp thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản sét đối với khối lượng sét nguyên khai đã sử dụng thực tế trong năm, thời gian thực hiện trước ngày 30 tháng 12 năm 2014.

3. Trường hợp các cơ sở sản xuất gạch, ngói sử dụng nguyên liệu sét thực tế trong năm cao hơn mức quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định này, phải thực hiện nộp và quyết toán thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo khối lượng thực tế; trường hợp sử dụng nguyên liệu sét thực tế trong năm thấp hơn mức quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định này, do các tổ chức, cá nhân sản xuất gạch, ngói tạm dừng hoạt động hoặc giảm công suất so với thiết kế phải có văn bản gửi cơ quan thuế xem xét và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định (văn bản nêu rõ lý do tạm dừng hoạt động hoặc giảm công suất, thời gian tạm dừng hoạt động, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý trên địa bàn).

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

1. Cục Thuế tỉnh

a) Căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành khác có liên quan tổ chức quản lý thu thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản sét gạch, ngói; thông báo cụ thể để các tổ chức, cá nhân khai thác, chế biến khoáng sản sét gạch, ngói trên địa bàn tỉnh thực hiện đăng ký, kê khai, nộp tiền thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản sét gạch, ngói theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 2 Quyết định này.

Thời gian thông báo đăng ký, kê khai nộp tiền thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ ngày 01 tháng 12 năm trước và thời hạn thu trước ngày 01 tháng 02 hàng năm.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra, thanh tra việc chấp hành kê khai, nộp, quyết toán tiền thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với khai thác khoáng sản sét gạch, ngói trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đôn đốc, hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân sản xuất gạch, ngói trên địa bàn tỉnh thực hiện Quyết định này.

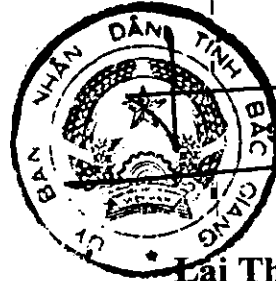
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Công thương, Sở Tư pháp; Cục Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn; các tổ chức và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: 

- Các Bộ: Tài chính, TN&MT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội;
- Công an tỉnh, Viện KSND tỉnh, TAND tỉnh;
- Báo Bắc Giang, Đài PT&TH tỉnh;
- Như Điều 4;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, các chuyên viên,
 - + TT. Tin học công báo;
 - + Lưu: VT, TN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**




Lại Thanh Sơn